

Bộ phận Chiến lược đầu tư
DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ GUOTAI JUNAN VIỆT NAM
Danh mục Năm giữ (Holding portfolio)
Kỳ đầu tư: 6-18 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN	Giá khi khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Upside còn lại	Vượt mục tiêu	Tổng biến động
MWG*	06/08/21	3	114,000	Nắm giữ	122,300	7.3%	-	2.8%	158.4%
CTG	04/08/21	1	34,000	Mua	39,200	15.3%	25.0%	-	-7.8%
TDM	30/07/21	1	30,050	Mua	40,000	33.1%	32.0%	-	0.8%
HAH*	03/08/21	3	49,000	Nắm giữ	60,000	22.4%	-	13.7%	186.0%
OCB*	02/08/21	2	24,300	Mua	27,700	14.0%	15.2%	-	16.1%
VHM*	31/05/21	2	102,600	Nắm giữ	102,300	0%	-	0.6%	34.3%
SZC*	23/04/21	1	35,750	Nắm giữ	41,000	14.7%	-	20.6%	38.3%
DHC*	30/10/20	1	35,440	Giảm tỷ trọng	39,760	17.1%	-	115.0%	141.3%
ACB*	05/02/21	2	22,830	Nắm giữ	29,110	27.5%	-	8.6%	75.6%
VPB*	05/02/21	2	37,000	Nắm giữ	40,000	8.1%	-	67.0%	193.0%
MBB	11/06/21	3	29,185	Tăng tỷ trọng	32,593	11.7%	16.4%	-	121.2%
VIB*	05/02/21	1	25,297	Nắm giữ	32,157	27.1%	-	20.7%	53.4%
TPB*	05/02/21	1	26,700	Nắm giữ	34,500	29.2%	-	16.2%	50.2%
PNJ*	31/07/20	2	80,900	Nắm giữ	86,000	6.3%	-	10.8%	82.5%
SBT	02/08/20	2	20,550	Nắm giữ	24,000	16.8%	-	0.7%	22.4%
QNS	08/02/21	1	37,200	Mua	54,000	45.2%	0.4%	-	44.6%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)
Kỳ đầu tư: 3-6 tháng

Mã DPG đã vượt giá mục tiêu.

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ	Risk/Reward Ratio	Lãi/Lỗ hiện tại
TNG	24/08/21	27,500 - 29,000	38,000	26,000	1:3	2.1%
SLS	18/08/21	139,000 - 155,000	220,000	133,000	1:3	15.5%
BWE	16/07/21	35,000 - 36,000	45,000	32,900	1:3	12.8%
LAS*	21/06/21	13,000 - 14,000	19,000	11,800	1:2.3	32.9%
ABI	17/06/21	52,000 - 56,000	75,000	49,000	1:2.7	21.6%
VND*	09/06/21	32,280 - 35,100	50,140	29,460	1:2.7	52.1%
DPG*	31/05/21	27,500 - 28,929	43,571	25,000	1:4	69.4%
GVR	28/05/21	26,900 - 30,100	49,000	24,500	1:3.5	22.9%
IDC	28/05/21	36,000 - 38,500	56,000	33,000	1:3	35.1%
SSI*	20/05/21	25,100 - 26,950	35,250	23,100	1:2	55.1%
SGR	12/05/21	25,500 - 28,500	44,000	24,000	1:3.5	-17.4%
BSR*	11/05/21	14,900 - 16,100	22,000	13,600	1:2.3	15.5%
SMC*	11/05/21	35,300 - 38,000	51,000	32,000	1:2	38.2%
BCG	12/04/21	13,800 - 14,400	20,300	12,500	1:3	29.2%
DIG	08/04/21	25,667 - 26,522	40,211	23,186	1:4	21.4%
GMD*	07/04/21	33,800 - 35,000	53,800	32,700	1:5	43.4%
STB*	30/03/21	19,500 - 21,000	28,500	18,300	1:3	27.1%
TTF	29/03/21	6,900 - 7,500	13,000	6,200	1:4	1.6%
VIC*	26/03/21	96,900 - 101,300	128,900	95,100	1:4.5	-15.0%
VCB	18/03/21	96,300 - 98,500	125,000	94,000	1:6	1.0%
GEG	08/03/21	16,550 - 17,650	25,700	15,455	1:4	5.9%

FCN	08/03/21	14,000 - 15,000	22,000	13,400	1:4.5	-6.0%
TIG*	05/03/21	7,545 - 8,455	13,636	7,273	1:4.5	94.0%
GAS	17/02/21	80,000 - 83,500	117,000	73,700	1:3.5	5.9%
CNG	17/02/21	21,900 - 23,000	31,500	20,600	1:3.5	51.3%
CCL	17/02/21	11,000 - 12,000	19,000	9,700	1:3	27.5%
SAM	17/02/21	11,200 - 12,100	22,500	10,200	1:5	10.7%
LAF	27/01/21	12,800 - 14,500	21,500	11,800	1:2.5	3.4%
VSH*	25/01/21	18,000 - 19,700	30,000	16,900	1:3.5	40.1%
MSR	21/12/20	19,000 - 21,000	31,000	17,800	1:3	10.5%
SFI*	09/12/20	29,200 - 31,000	46,500	27,700	1:5	66.5%
PGV*	23/11/20	13,810 - 14,762	23,810	12,571	1:4	96.5%
CKG*	19/11/20	8,230 - 8,650	11,300	7,890	1:3.5	190.2%
DRI*	20/10/20	4,730 - 5,230	10,230	3,930	1:4	163.7%

Danh sách theo dõi đặc biệt của danh mục trading:

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ
BID	28/05/21	46,000 - 48,500	65,000	42,500
CEO	06/04/21	13,000 - 13,700	19,000	11,900
PVD	05/03/21	23,500 - 25,500	40,000	21,900

ĐIỂM NHẤN PHIÊN GIAO DỊCH TRƯỚC

Thị trường mở cửa tích cực nhưng sau đó suy yếu cho đến giữa buổi sáng, trước khi tạo đáy ngày và đảo chiều đi lên, duy trì đà tăng cho đến khi đóng cửa.

Tương quan tăng giảm nghiêng về phía tăng với số lượng mã tăng vượt trội trên toàn thị trường. Hầu hết các nhóm ngành đều có diễn biến tích cực, nhưng đáng chú ý vẫn là các cổ phiếu Bảo hiểm khi tất cả đều tăng và nhiều mã tăng mạnh.

VN-INDEX



(Đồ thị ngày của VNIndex)

Nhận định

VNINDEX ngày 22/09/2021: (1) Biên độ dao động hẹp, mở cửa cao hơn tham chiếu và cao hơn mức thấp nhất ngày, đóng cửa cao hơn mở cửa và cao nhất ngày, (2) Khối lượng giao dịch cả ngày thấp hơn ngày liền trước và ở mức hơn trung bình.

⇒ Áp lực bán được hấp thụ hết vào giữa buổi sáng và giúp đà tăng sau đó diễn ra khá nhẹ nhàng không tốn nhiều sức. Tâm lý chung cho thấy sự tích cực trải rộng trên tất cả các nhóm vốn hóa (dù vẫn là yếu nhất ở nhóm vốn hóa lớn). Khối lượng giao dịch suy giảm cũng cho thấy lực mua giá cao chưa thực sự quá mạnh mẽ và khả năng bị suy yếu là hoàn toàn có thể, tức là quá trình suy yếu hiện tại chưa có xác nhận chấm dứt.

Vai trò	Vùng điểm của VNIndex
Hỗ trợ	1,200
	1,310 – 1,320
Kháng cự	1,350 – 1,380
	1,420

TIÊU ĐIỂM – NEWS FOCUS

CTCP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận – PNJ VN

Công ty Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (HoSE: PNJ) thông báo doanh thu lũy kế 8 tháng đạt 12.288 tỷ đồng, tăng 19,4% so với cùng kỳ năm trước; lãi sau thuế 625 tỷ đồng, tăng 14,2%. Doanh nghiệp thực hiện được 58,5% kế hoạch doanh thu và 50,9% kế hoạch lợi nhuận năm. Doanh thu kênh lẻ tăng 21%, bán sỉ tăng 3,6% và vàng miếng tăng 25% so với 8 tháng 2020.

Riêng tháng 8, công ty vàng bạc báo doanh thu 162 tỷ đồng, giảm 87%; lỗ 78 tỷ đồng, cùng kỳ năm trước lãi 52 tỷ đồng. Đây là tháng thứ 2 liên tiếp doanh nghiệp ghi nhận lỗ từ đầu năm đến nay, tháng 7 lỗ 32 tỷ đồng.

CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt – PDR VN

HDQT Phát triển Bất động sản Phát Đạt (HoSE: PDR) vừa thông qua phương án phát hành đợt trái phiếu thứ 6 trong năm với giá trị 270 tỷ đồng, kỳ hạn 2 năm. Lãi suất 13%/năm, được trả định kỳ 3 tháng/lần. Đây là loại trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, và không phải nợ thứ cấp. Tài sản đảm bảo là cổ phiếu PDR của bên thứ 3. Thời gian phát hành dự kiến trong tháng 9.

Tổng CTCP Vận tải Dầu khí – PVT VN

Tổng CTCP Vận tải Dầu khí (PVTrans - Mã: PVT) vừa công bố kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm với doanh thu ước đạt 5.430 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 650,8 tỷ đồng, lần lượt tăng gần 2% và 15% so với cùng kỳ năm ngoái. Với kết quả này, PVTrans đã thực hiện được 91% kế hoạch doanh thu và vượt 30% chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế năm.

SỰ KIỆN PHIÊN GIAO DỊCH HÔM NAY

Mã CK	Sàn	Nội dung sự kiện	Ngày GD không hưởng quyền	Ngày đăng ký	Ngày thực hiện
BCF	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (500 đ/cp)	23/09/2021	24/09/2021	8/10/2021
PPY	HNX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	23/09/2021	24/09/2021	23/09/2021
KTC	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (600đ/cp)	23/09/2021	24/09/2021	25/10/2021
SBV	HSX	Chi trả cổ tức năm 2020 (1.200 đ/cp)	23/09/2021	24/09/2021	22/10/2021
BKG	HSX	ĐHĐCĐ bất thường năm 2021	23/09/2021	24/09/2021	26/10/2021
TMS	HSX	Chi trả cổ tức năm 2020 bằng tiền (500 đ/cp), bằng cổ phiếu (tỷ lệ 100:15)	23/09/2021	24/09/2021	8/10/2021
VIX	HSX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.500đ/cp)	23/09/2021	24/09/2021	25/10/2021
CAT	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000đ/cp)	23/09/2021	24/09/2021	12/10/2021
TMP	HSX	Trả cổ tức phần còn lại năm 2020 (1.230 đ/cp)	23/09/2021	24/09/2021	5/10/2021

THỐNG KÊ CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG

1. Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)

Các trạng thái đã chốt lời của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
SGP	01/12/20	10,500 – 11,000	18,500	9,500	1:5	68.2%	42,000	281.8%
SMC	30/10/20	11,200 – 12,000	16,000	11,000	1:4	33.3%	25,500	112.5%
G36	05/11/20	9,160 – 9,830	13,300	8,770	1:3	35.3%	14,700	49.5%
LSS	17/11/20	7,100 – 7,500	12,000	6,400	1:4	60.0%	12,100	61.3%
POS	18/11/20	11,500 – 12,000	19,000	9,950	1:2.5	50.8%	20,500	62.7%
SAC	01/12/20	8,800 – 9,500	14,700	8,300	1:4	54.7%	16,400	72.6%

Các trạng thái đã chốt lời sớm/cắt sớm

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
LDG	22/10/20	6,600 – 6,800	10,300	6,100	1:5	23.1%	8,370	23.1%
HAG	13/11/20	4,500 – 4,700	8,000	4,250	1:7	0.0%	6,450	37.2%
PXS	17/11/20	6,000 – 6,400	11,000	5,300	1:4	0.0%	9,000	40.6%

Các trạng thái đã cắt lỗ

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Mức lỗ	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
VSH	09/11/20	20,500 – 21,000	30,000	18,900	1:4	-10.0%	19,281	-8.2%
MFS	30/12/20	27,300 – 29,000	39,000	26,300	1:4	-9.3%	33,900	16.9%
BWE	30/12/20	30,800 – 33,300	42,800	29,300	1:2.3	-12.0%	33,765	1.4%
CMX	31/12/20	17,000 – 18,500	25,000	16,200	1:3	-12.4%	20,000	8.1%

2. Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)

Các mã được điều chỉnh giá mục tiêu

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN / Tổng số KN	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu cũ	Upside ban đầu	Tổng mức biến động	Ngày đóng khuyến nghị	Giá mục tiêu mới	Điều chỉnh giá mục tiêu
MWG	08/02/21	2/3	128,500	154,500	20.2%	133.4%	06/08/21	184,000	+19.1%
VHM*	16/11/20	1/2	76,600	88,315	15.3%	33.9%	31/5/21	102,300	+15.8%
HAH*	31/05/21	2/3	28,200	35,100	24.5%	105.5%	03/08/21	60,000	+70.9%
OCB*	20/05/21	1/2	20,720	24,800	19.7%	17.3%	02/08/21	27,700	+11.7%
HAH	02/04/21	1 / 2	24,650	29,800	20.9%	14.4%	31/05/21	35,100	+17.8%
MBB*	05/02/21	2 / 3	39,400	27,000	9.1%	130.6%	11/06/21	44,000	+62.9%
SBT*	02/11/20	1 / 2	18,500	22,200	20.0%	11.1%	08/02/21	24,000	+8.1%
ACB*	28/09/20	1 / 2	22,500	27,400	27.5%	26.7%	05/02/21	36,350	+32.7%
VPB*	28/09/20	1 / 2	22,800	27,400	20.2%	62.3%	05/02/21	40,000	+46.0%
MBB*	28/09/20	1 / 3	17,087	20,000	17.0%	44.8%	05/02/21	27,000	+35.0%
MWG*	31/07/20	1 / 3	73,470	123,000	67.4%	74.9%	08/02/21	154,500	+25.6%
PNJ*	31/07/20	1 / 2	51,000	74,200	45.5%	58.6%	08/02/21	86,000	+15.9%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

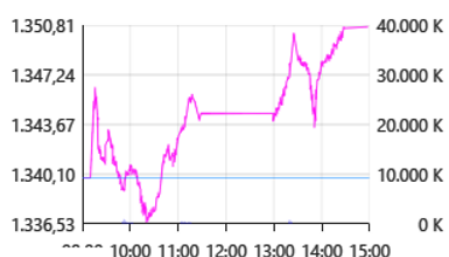
FACTSET DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG NGÀY HÔM TRƯỚC

BIẾN ĐỘNG NGÀY

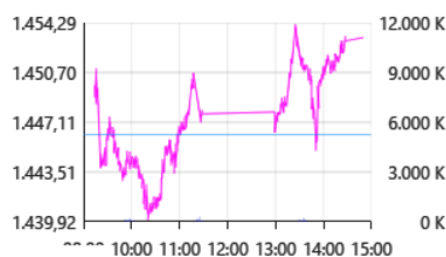
Chỉ số	Điểm số	Biến động	Điểm	Khối lượng GD (triệu CP)	Giá trị GD (tỷ đồng)	Số mã tăng	Số mã không đổi	Số mã giảm
VN - Index	1,350.68	0.81%	10.84	779.65	18,976.7	307	36	104
Vn30 - Index	1,453.22	0.48%	7.00	130.59	6,845.9	18	2	10
Vn - Mid	1,727.53	1.02%	17.48	281.41	6,713.4	49	3	18
VN - Small	1,711.32	1.75%	29.51	257.25	3,904.3	147	12	34
HNX - Index	363.43	1.24%	4.45	181.16	3,331.1	184	36	116
Upcom - Index	97.65	0.91%	0.88	113.66	1,935.1	283	33	84

BIẾN ĐỘNG TRONG NGÀY

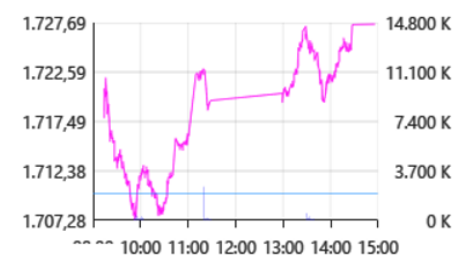
VN-INDEX



VN30



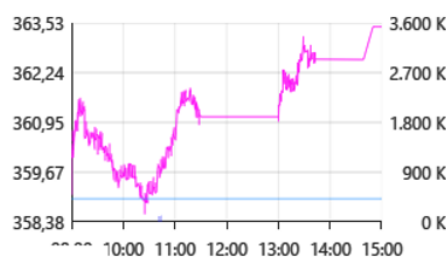
VN-MID



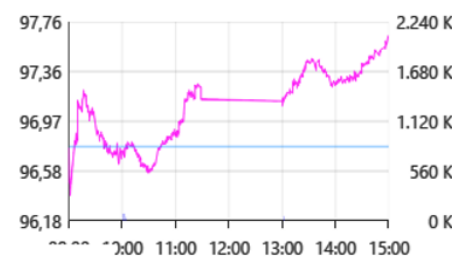
VN-SMALL



HNX-INDEX



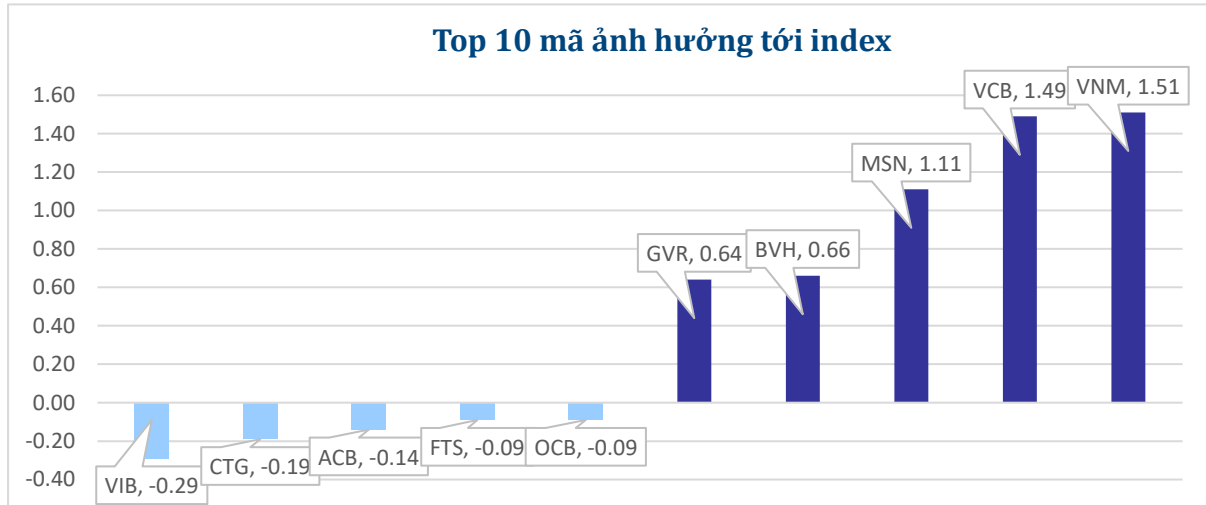
UPCOM



THANH KHOẢN NGÀY

Sàn	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Thay đổi so với phiên trước	Khối lượng giao dịch (triệu CP)	Thay đổi so với phiên trước
HSX	18,976.70	-19.02%	779.65	-9.31%
HNX	3,331.10	-7.98%	181.16	-2.55%

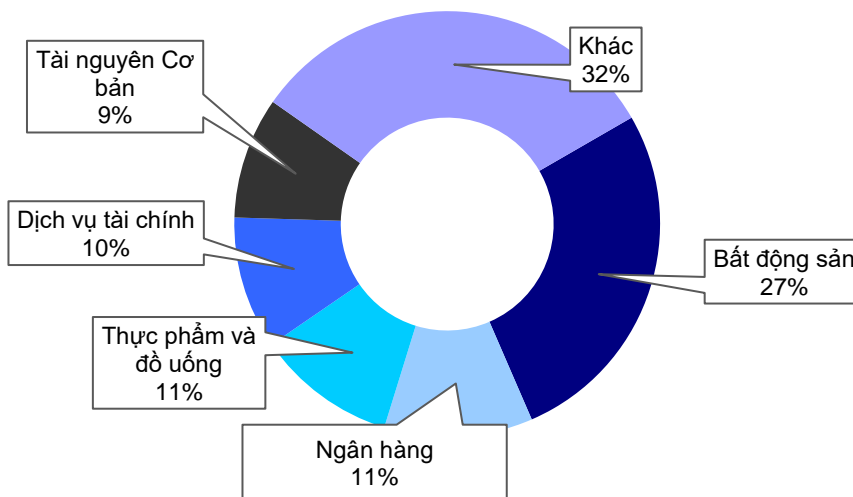
CỔ PHIẾU NỔI BẬT TRONG NGÀY



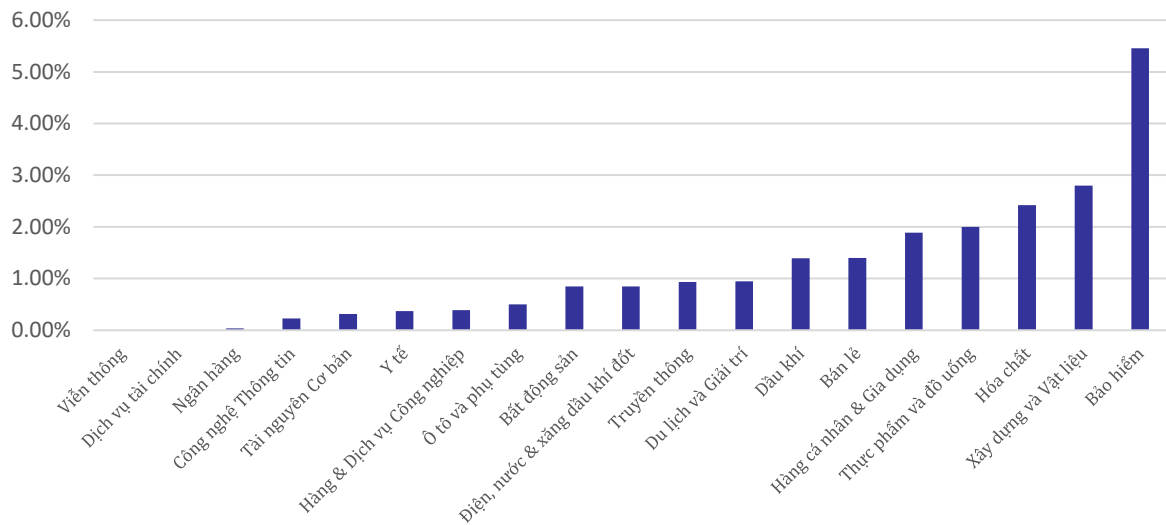
Top KLGĐ (triệu cổ phiếu)		Top GTGD (tỷ đồng)		Đột biến khối lượng (%KL/KL10 phiên)		Top tăng điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)		Top giảm điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)	
FLC	38.19	VNM	911.8	BVH	421%	VCS	7.8%	BII	-10.0%
ITA	25.31	VHM	675.3	VCS	404%	DGC	7.0%	APG	-7.0%
ROS	24.29	HPG	668.1	SZC	334%	DPG	7.0%	FTS	-3.7%
HQC	21.90	FLC	448.5	VNM	299%	SZC	6.8%	VOS	-3.4%
HAG	20.85	KBC	436.3	DPG	203%	LCG	6.4%	PVT	-1.6%

NHÓM NGÀNH

Thanh khoản ngành trong ngày



Biến động các nhóm ngành trong ngày

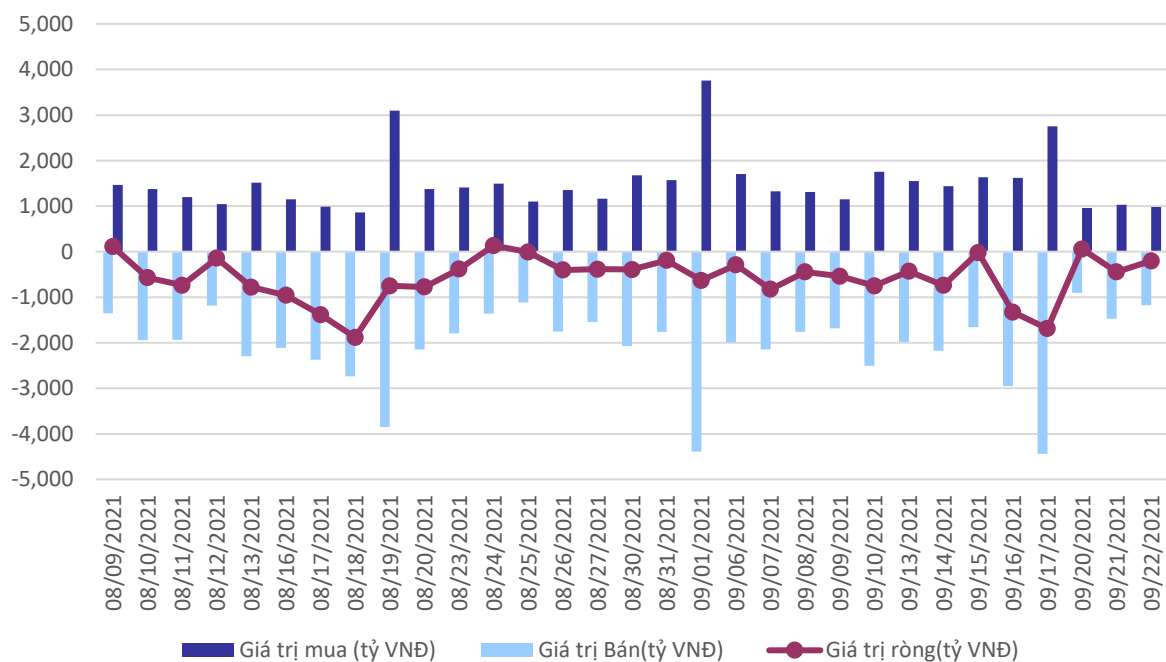


GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE bán ròng 201.10 tỷ đồng còn trên HNX bán ròng 42.91 tỷ đồng.

Top CP mua ròng	Giá trị mua ròng (tỷ đồng)	Top CP bán ròng	Giá trị bán ròng (tỷ đồng)
MBB	88.45	VPH	61.62
VCB	57.89	VIC	48.39
VNM	41.48	CTG	40.91
VND	31.66	NKG	37.13
KDH	29.29	DGC	32.06

Giao dịch khối ngoại 30 phiên gần nhất trên HOSE





XẾP HẠNG CỔ PHIẾU

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index.**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

Khuyến nghị	Định nghĩa
Mua	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng $\geq 15\%$ Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Tích lũy	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ 5% đến 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập
Giảm tỷ trọng	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -15% to -5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực
Bán	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn -15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực

XẾP HẠNG NGÀNH

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

Xếp loại	Định nghĩa
Vượt trội	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn 5% Hoặc triển vọng ngành tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ -5% đến 5% Hoặc triển vọng ngành trung lập
Kém hiệu quả	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn -5% Hoặc triển vọng ngành kém tích cực

KHUYẾN CÁO

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của người viết về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Guotai Junan Việt Nam Securities không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này. Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu tổng thể của công ty, bao gồm doanh thu từ/trong số các đơn vị kinh doanh khác. Guotai Junan Việt Nam và cán bộ, giám đốc, nhân viên có thể có mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong tài liệu này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Báo cáo này đã được chuẩn bị trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. Guotai Junan Việt Nam không tuyên bố hay bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư tổ chức và khách hàng cá nhân của Guotai Junan Việt Nam tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng cho quốc gia nơi báo cáo này được phân phối không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện ủy quyền của Guotai Junan Việt Nam. Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.

GUOTAI JUNAN VIETNAM RESEARCH & INVESTMENT STRATEGY

Thành viên	Vị trí	Phụ trách	Email	Ext.
Võ Thế Vinh	Trưởng phòng	Phân tích & Chiến lược Đầu tư	vinhvt@gtjas.com.vn	704
Đỗ Trung Nguyên	Phó phòng	Chiến lược đầu tư	nguyendt@gtjas.com.vn	703
Trần Thị Hồng Nhung	Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Ngân hàng	nhungtth@gtjas.com.vn	706
Đinh Quang Đạt	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Tiêu dùng	datdq@gtjas.com.vn	
Phí Công Linh	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Bất Động sản	linhpc@gtjas.com.vn	709

LIÊN HỆ	TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI	CHI NHÁNH TP. HCM
Điện thoại tư vấn: (024) 35.730.073	P9-10, Tầng 1, Chamvit Tower	Lầu 4, Số 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, P. 6, Q. 3, Tp.HCM
Điện thoại đặt lệnh: (024) 35.779.999	Điện thoại: (024) 35.730.073	Điện thoại: (028) 38.239.966
Email: ivs@gtjas.com.vn	Fax: (024) 35.730.088	Fax: (028) 38.239.696
Website: www.ivs.com.vn		